

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 4

Tuần 19 – Đề 1

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu 1. Viết số hoặc chữ thích hợp vào ô trống

Đọc	Viết
Ba trăm bảy mươi ki-lô-mét vuông	
Tám nghìn không trăm linh năm ki-lô-mét vuông	
	629km^2
	$107\ 000\text{km}^2$

Câu 2. Chọn câu trả lời đúng

Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 5km, chiều rộng 3km. Diện tích khu đất đó là :

- A. 8km^2 B. 15km^2 C. 150km^2 D. 16km^2

Câu 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

$$1\text{m}^2 \text{ dm}^2 \qquad 1\text{km}^2 = \dots \text{ m}^2$$

$$7\text{km}^2 = \dots \text{ m}^2 \qquad 15\text{km}^2 = \dots \text{ m}^2$$

$$36\text{dm}^2 = \dots \text{ cm}^2 \qquad 80\ 000\ 000\text{m}^2 = \dots \text{ km}^2$$

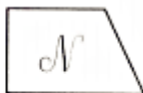
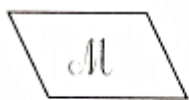
Câu 4. Điền dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ chấm:

$$6\text{m}^2 \dots 6000\text{dm}^2 \qquad 250\ 000\text{dm}^2 \dots 250\text{m}^2$$

$$2\text{km}^2 \dots 200\ 000\text{m}^2 \qquad 36\text{km}^2 \dots 36\ 000\ 000\text{m}^2$$

$$80\ 000\text{m}^2 \dots 8\text{km}^2 \qquad 1\ 200\ 000\text{m}^2 \dots 1\text{km}^2$$

Câu 5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng



Trong các hình trên, hình bình hành là :

A. Hình M

B. Hình P

C. Hình Q

D. Cả 4 hình

Phần 2. Tự luận

Bài 1. Viết số thích hợp vào ô trống

Độ dài đáy	19cm	25dm	105m	325m
Chiều cao	8cm	13dm	36m	118m
Diện tích hình bình hành				

Bài 2. Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 5km, chiều rộng bằng $\frac{1}{5}$ chiều dài. Tính diện tích khu đất hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Một tấm bìa hình bình hành có cạnh đáy 24dm, chiều cao tương ứng dài bằng $\frac{1}{3}$ cạnh đáy. Hỏi diện tích tấm bìa đó rộng bao nhiêu đề-xi-mét vuông ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

LỜI GIẢI CHI TIẾT**Phần 1. Trắc nghiệm****Câu 1.****Phương pháp:**

Đề đọc (hoặc viết) các số đo diện tích ta đọc (hoặc viết) số đo trước, sau đó đọc (hoặc viết) tên đơn vị đo diện tích.

Cách giải:

Đọc	Viết
Ba trăm bảy mươi ki-lô-mét vuông	370km^2
Tám nghìn không trăm linh năm ki-lô-mét vuông	8005km^2
Sáu trăm hai mươi chín ki-lô-mét vuông	629km^2
Một trăm linh bảy nghìn ki-lô-mét vuông	$107\ 000\text{km}^2$

Câu 2.**Phương pháp:**

Để tính diện tích khu đất hình vuông ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng một đơn vị đo).

Cách giải:

Diện tích khu đất đó là:

$$5 \times 3 = 15 \text{ (km}^2\text{)}$$

Đáp số: 15km^2 .

Chọn đáp án B.

Câu 3.**Phương pháp:**

Áp dụng kiến thức:

$$1\text{m}^2 = 100\text{dm}^2;$$

$$1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2;$$

$$1\text{km}^2 = 1\ 000\ 000\text{m}^2.$$

Cách giải:

$1\text{m}^2 = 100\text{dm}^2$

$1\text{km}^2 = 1\,000\,000\text{m}^2$

$7\text{km}^2 = 7\,000\,000\text{m}^2$

$15\text{km}^2 = 15\,000\,000\text{m}^2$

$36\text{dm}^2 = 3600\text{cm}^2$

$80\,000\,000\text{m}^2 = 80\text{km}^2$

Câu 4.**Phương pháp:**

- Áp dụng kiến thức:

$1\text{m}^2 = 100\text{dm}^2;$

$1\text{km}^2 = 1\,000\,000\text{m}^2.$

- Đổi các số đo về cùng đơn vị đo rồi so sánh kết quả với nhau.

Cách giải:

$6\text{m}^2 < 6000\text{dm}^2$

600dm^2

$2\text{km}^2 > 200\,000\text{m}^2$

$2\,000\,000\text{m}^2$

$800\,000\text{m}^2 < 8\text{km}^2$

$8\,000\,000\text{m}^2$

$250\,000\text{dm}^2 > 250\text{m}^2$

$25\,000\text{dm}^2$

$36\text{km}^2 = 36\,000\,000\text{m}^2$

36km^2

$1\,200\,000\text{m}^2 > 1\text{km}^2$

$1\,000\,000\text{m}^2$

Câu 5.**Phương pháp:**

- Quan sát kĩ các hình đã cho để tìm hình bình hành.

- Dựa vào tính chất của hình bình hành: Hình bình hành có hai cạnh đối diện song song và bằng nhau.

Cách giải:

Trong các hình đã cho, hình bình hành là hình M.

Chọn đáp án A.

Phần 2. Tự luận**Bài 1.****Phương pháp:**

Muốn tính diện tích hình bình hành ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo).

Cách giải:

Độ dài đáy	19cm	25dm	105m	315m
Chiều cao	8cm	13dm	36m	118m
Diện tích hình bình hành	152cm^2	325dm^2	3780m^2	37170m^2

Bài 2.**Phương pháp:**

- Tính chiều rộng khu đất = chiều dài : 5.
- Tính diện tích khu đất = chiều dài \times chiều rộng.

Cách giải:

Chiều rộng của khu đất hình chữ nhật đó là:

$$5 : 5 = 1 \text{ (km)}$$

Diện tích khu đất hình chữ nhật đó là :

$$5 \times 1 = 5 \text{ (km}^2\text{)}$$

Đáp số : 5km^2 .

Bài 3.**Phương pháp:**

- Tính chiều cao tấm bìa = cạnh đáy : 3.
- Tính diện tích tấm bìa = cạnh đáy \times chiều cao.

Cách giải:

Chiều cao của tấm bìa đó là:

$$24 : 3 = 8 \text{ (dm)}$$

Diện tích của tấm bìa đó là:

$$24 \times 8 = 192 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Đáp số: 192dm^2 .